

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **182/2023/HS-ST**
Ngày: 29-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Lành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 160/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T - tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03 tháng 11 năm 2000 tại H; nơi cư trú: Đội x thôn Đ, xã S, huyện B, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông Trần Ngọc H2, sinh năm 1977 và con bà Lê Thị N, sinh năm 1982; bị cáo có vợ là Lê Thị T2, sinh năm 2004; có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ vừa sinh tháng 6/2023; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: 01. Tại bản án số 116/2019/HSST ngày 27/11/2019 Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Đã chấp hành xong.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH. Bị cáo bị bắt từ ngày 10/3/2023 cho đến nay (*Có mặt*)

* Bị hại: Cháu Phạm Thị Mai T1, sinh năm 2006 – Nơi thường trú: xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh TH (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Bà Trần Thị H3, sinh năm 1976 và ông Phạm Văn X, sinh năm 1971 (là bố, mẹ đẻ cháu T1)– cùng thường trú tại xóm V, xã H, huyện Đ, tỉnh TH (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

* Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị Kim H, sinh năm 1998 – thường trú tại xóm Vải, xã H, huyện Đ, tỉnh TH (*Vắng mặt*)

2. Anh Phạm Thái H1, sinh năm 1985 –Nơi thường trú: tổ y, phường Q, thành phố TH; nơi tạm trú: Tổ x, phường C, thành phố TH, tỉnh TH (*Vắng mặt*).

3. Anh Nông Tiến T3, sinh năm 1988-Nơi thường trú: tổ x, phường C, thành phố TH, tỉnh TH (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, Trần Ngọc T đi bộ từ quán bia Quang H ở tổ x đến cửa hàng thời trang số 102 ở tổ z đều thuộc phường C, thành phố TH mục đích mua dép. Cùng lúc, có Phạm Thị Mai T1 cùng chị gái là Phạm Thị Kim H đi xe mô tô nhãn hiệu Wave đến cửa hàng thời trang số 102 để mua đồ, trước lúc đi T1 có treo 01 túi nilon màu trắng trong có 01 điện thoại di động Iphone XS của mình ở móc treo đồ của xe. Đến nơi, chị H đỗ xe trên vỉa hè phía trước cửa hàng rồi cả hai cùng đi vào cửa hàng để mua đồ. Lúc này T đi ra khỏi cửa hàng thì phát hiện tại móc treo đồ của xe có treo một túi nilon màu trắng bên trong có 01 điện thoại di động Iphone XS nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại trên. T quan sát xung quanh không thấy có ai, lén lút dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động để ở trong túi nilon cho vào túi quần ngoài phía trước bên phải đang mặc rồi đi bộ về quán bia Quang H. Tại đây, T tắt nguồn, rồi đi vào khu vực nhà vệ sinh của quán cất giấu điện thoại di động vừa lấy được tại nắp bồn cầu rồi quay lại bàn tiếp tục ăn uống cùng bạn bè. Còn chị T1 sau khi vào cửa hàng được khoảng 02 phút thì nhớ để điện thoại treo ở móc đồ của xe mô tô quay lại lấy thì phát hiện bị mất điện thoại, T1 gọi điện thì không liên lạc được.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T quay vào nhà vệ sinh lấy điện thoại vừa lấy được, vứt lại 01 chiếc ốp nhựa của điện thoại trên rồi mang điện thoại về phòng trọ của T tại xã C, thành phố TH. Khi bật máy lên T thấy có nhiều cuộc gọi nhỡ, lo sợ bị phát hiện T tiếp tục tắt nguồn.

Ngày 07/3/2023 chị T1 sử dụng chức năng định vị qua tài khoản Icloud đăng nhập trên điện thoại di động thì phát hiện điện thoại có vị trí cuối cùng tại quán bia Quang H nên đến tìm thì chỉ thấy ốp điện thoại bị vứt lại trong nhà vệ sinh. Sau đó T1 tìm tại các cửa hàng điện thoại xung quanh (trong đó có cửa hàng điện thoại Nhật K do anh Phạm Thái H1 làm chủ) nhưng không thấy nên đến Công an phường C, thành phố TH trình báo.

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 09/3/2023, T mang điện thoại di động trên đến cửa hàng sửa chữa điện thoại Nhật K thuê phá mật khẩu để T sử dụng. Anh H1 tiếp nhận điện thoại, ghi lại số điện thoại và hẹn T đến lấy điện thoại sau khi phá được khóa mật khẩu. T để lại số điện thoại và ra về. Anh H1 nhận ra điện thoại có cùng đặc điểm với chiếc điện thoại mà chị T1 có đến hỏi nên báo tin cho chị T1 biết. Chị T1 đến cửa hàng và xác nhận đúng là chiếc điện thoại của mình bị mất ngày 06/3/2023. Thấy vậy, anh H1 gọi điện thoại cho T, còn chị T1 gọi điện thông báo

Công an phường C đến lập biên bản sự việc, thu giữ điện thoại và đưa T về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL -HĐĐGTS ngày 10/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố TH kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, dung lượng 64GB, số IMEI 356174093821067, đã qua sử dụng. Giá trị của tài sản tại thời điểm định giá ngày 06/3/2023 là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*); 01(một) ốp điện thoại loại dành cho Iphone XS bằng nhựa, màu trong suốt, đã qua sử dụng – không có cơ sở xác định giá trị của tài sản.

Tại cơ quan điều tra, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra.

Chị Phạm Thị Mai T1 trình bày: Khoảng 19 giờ 50 phút ngày 06/3/2023. T1 đi xe mô tô cùng chị gái tên là H đến cửa hàng số 102 ở tổ z, phường C để mua đồ. Khi đi T1 có để điện thoại di động Iphone XS của mình vào trong túi bóng và treo tại gác để đồ của xe mô tô. Khi vào trong cửa hàng T1 không cầm điện theo, khoảng 02 phút thì nhớ ra T1 quay ra xe thì không thấy điện thoại đâu nữa. Đến ngày 09/3/2023, T1 được anh H1 -chủ cửa hàng sửa chữa điện thoại Nhật K gọi điện báo có 01 thanh niên đến nhờ phá khóa mặt khóa điện thoại của T1. T1 báo Công an phường C đến cửa hàng để làm việc.

* Vật chứng của vụ án: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, dung lượng 64GB, số IMEI 356174093821067, đã qua sử dụng và 01(một) ốp điện thoại loại dành cho Iphone XS bằng nhựa, màu trong suốt, đã qua sử dụng. Hiện số tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu là chị T1 quản lý, sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 169/CT -VKSTPTN ngày 26 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, T cùng bạn đi uống bia tại quán bia Quang H. 30 phút sau thì T đi bộ đến cửa hàng số 102 cách quán uống bia khoảng 30m để mua dép đi. Sau khi mua dép, quay ra thì T nhìn thấy 01 điện thoại di động có ốp nhựa trong suốt để tại gác để đồ, nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát không có ai để ý, T dùng tay phải cầm điện thoại trên rồi cho vào túi quần bên phải đang mặc và lập tức quay về quán bia. Sau đó mang điện thoại giấu trong bình chứa nước của nhà vệ sinh. Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, khi mọi người ra về thì T đi vào chỗ cất giấu lấy điện thoại, rút lại ốp rồi đi về phòng trọ. Ngày 09/3/2023, do điện thoại có mặt khóa nên T mang ra quán sửa chữa điện thoại để phá khóa thì bị Công an phường đưa về trụ sở để làm việc, T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại trộm cắp được cho cơ quan Công an.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

* Về vật chứng của vụ án: Đề nghị không xem xét, giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 06/3/2023, tại khu vực vỉa hè phía trước cửa hàng thời T1 số 102 thuộc tổ z, phường C, thành phố TH, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, Trần Ngọc T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, đã qua sử dụng và 01 ốp điện thoại loại dành cho Iphone XS bằng nhựa màu trong suốt, tổng trị giá 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tài sản đã được trả lại cho bị hại quản lý, sử dụng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Nội dung điều 173 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự, trong vụ án này bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ là “*Gây thiệt hại nhưng không lớn*” và “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Song bị cáo đã bị xét xử về tội cố ý, do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi, tính chất phạm tội của bị cáo nhằm ngăn ngừa tội phạm nói chung và răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án: 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu đen, dung lượng 64GB, số IMEI 356174093821067, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp điện thoại loại dành cho Iphone XS bằng nhựa, màu trong suốt, đã qua sử dụng. Hiện số tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu là chị T1 quản lý, sử dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị T1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/3/2023.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS TP. TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Bị cáo, bị hại;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

